TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2021
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA - TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Luận;

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 249/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2021/QĐXX-ST ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị D - sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn T, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Gia Lai

Bị đơn: Anh Đặng Văn H - sinh năm 1983

Địa chỉ: SN 06/17 đường B, phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh H.

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, được bổ sung tại bản tự khai, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lê Thị D trình bày:

- Về hôn nhân: Chị D và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2016. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị có vào làm ăn và sinh sống một thời gian tại gia đình nhà chị ở Thôn T, xã Tr, huyện Đ, tỉnh Gia

Lai. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận H phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H ham chơi cờ bạc, chọi gà, vay tiền xã hội đen dẫn đến nợ nần chồng chất. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, anh H đã trở về Thanh Hóa để sinh sống và làm việc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả.

Nay chị D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu: Đặng Phương L, sinh ngày 10/01/2017. Ly hôn, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu L, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

- Về tài sản, công nợ: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Văn H trình bày như sau:

- Về hôn nhân: Anh H trình bày thống nhất với chị D về thời gian, điều kiện kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh không tu trí làm ăn dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Vợ chồng anh chị đã ly thân từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, anh đã trở về Thanh Hóa để sinh sống và làm việc, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau. Nay chị D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn đối với anh thì anh cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu: Đặng Phương L, sinh ngày 10/01/2017. Ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị D được trực tiếp nuôi cháu L, anh H không phải cấp dưỡng.

- Về tài sản, công nợ: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đặng Văn H theo quy định của pháp luật. Do điều kiện công việc bận rộn, thường xuyên phải đi công tác ở vùng núi, xa nhà, anh H có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa. Tại các đơn xin vắng mặt, anh H đều giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn với chị D.

* Qua thu thập chứng cứ tại địa phương và gia đình của anh H và chị D thể hiện: Anh H và chị D sau khi kết hôn sinh sống tại SN 06/17 đường B, phường T, TP. Thanh Hóa một thời gian thì chuyển vào tỉnh Gia Lai sinh sống. Đến tháng 7 năm 2020 do vợ chồng mâu thuẫn nên anh H trở về Thanh Hóa sinh sống và làm việc, chị H và cháu L không về ở cùng. Nay chị D làm đơn khởi kiện ly hôn anh H, gia đình và chính quyền đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Tại phiên tòa hôm nay, chị D giữ nguyên yêu cầu ly hôn; về con chung: đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung; về tài sản công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn và bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại thành phố Thanh Hóa. Việc Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội D:

Về hôn nhân: Chị D và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh chị đều thừa nhận quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H không tu trí làm ăn. Anh chị đã ly thân từ tháng 7/2020 cho đến nay không ai còn quan tâm, chăm sóc đến ai. Thu thập chứng cứ tại địa phương và gia đình của anh chị cũng thể hiện giữa vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã ly thân, anh trở về Thanh Hóa sinh sống, làm việc, chị D và cháu L không về cùng. Nay chị D đề nghị được ly hôn đối với anh H, quá trình giải quyết vụ án và đơn xin vắng mặt tại phiên tòa anh H vẫn giữ nguyên quan điểm đồng ý ly hôn với chị D. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và cùng thống nhất ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình để xử công nhận thuận tình ly hôn cho chị D và anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu: Đặng Phương L, sinh ngày 10/01/2017. Ly hôn, chị D đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi cháu L, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H cũng đồng ý giao con cho chị D nuôi, anh không phải cấp dưỡng. Việc giao con cho ai nuôi dưỡng cần xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy từ khi vợ chồng anh chị ly thân, cháu L ở với chị D, do chị nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt cho cháu. Anh H thường xuyên công tác xa nhà, do đó không có điều kiện gần gũi, chăm sóc cháu L. Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của chị D là được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu L, không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con chung với chị.

Về tài sản, công nợ: Chị D, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 .

Về hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị D và anh Đặng Văn H.

Về con chung: Chị Lê Thị D và anh Đặng Văn H có 01 con chung là cháu: Đặng Phương L, sinh ngày 10/01/2017. Giao cháu L cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị D.

Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản, công nợ: Anh H và chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị D phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, nh□ng đ□ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị đã nộp theo biên lai số AA/2019/0012376 ngày 12/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Thanh Hóa (chị D đã nộp đủ án phí).

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND TP T;
- Chi cục THADS TP T;
- UBND phường T, TP. T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh